TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 75/2019/QĐST - HNGĐ	*Quảng Xương ngày 17 tháng 04 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 ; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 90/2019/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Trần Ngọc G, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/4/2019 chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc G thừa nhận đã đăng ký kết hôn ngày 02/10/2013 tại UBND xã Quảng C, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn chị T và anh G chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, thường xuyên cải nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân nhau vào tháng 10/2016 không ai quan tâm đến ai. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị T và anh G thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị T và anh G thống nhất thỏa thuận vợ chồng có 01 con chung là Trần Tuệ L, sinh ngày 28/6/2014. Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tuệ L, anh G cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Anh G có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị T, anh G thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị T và anh G thống nhất để chị T chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1 .Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc G thuận tình ly hôn.

-Về con chung : Chị T và anh G có 01 con chung là Trần Tuệ L, sinh ngày 28/6/2014. Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tuệ L, anh G cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Anh G có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị T và anh G không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T chịu 300.000 đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001523 ngày 09/4/2019 của chi Cục Thi Hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,9. Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *VKS cùng cấp*
- *Đương sự*
- *UBND xã Q*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự*

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hà